TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vanh Si Tha

2. Ông Trần Duy Hiếu

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Quới là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn***: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số 240/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tô Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 05, ấp An Biên, xã AN, huyện TB, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Minh V, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 02, ấp Vĩnh Cầu, xã V, huyện TT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 09/09/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Tô Nguyễn Ngọc N trình bày:

Do sự mai mối bà N được quen biết với ông V, đôi bên tìm hiểu và tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2011, tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 27/09/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, đến tháng 6

năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông V thường xuyên vắng nhà, đi sớm về khuya, về nhà trong tình trạng say rượu, bà N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông V vẫn không thay đổi. Đến ngày 20/8/2019 bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng chính thức ly thân đến nay. Bà N xác định không còn tình cảm, không thể kéo dài tình trạng chung sống không hạnh phúc, bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung bà và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Công V sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Tô Bảo A, sinh ngày 30/9/2015 hiện ông V đang nuôi dưỡng, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Ông Nguyễn Minh V trình bày: Ông thống nhất ý kiến trình bày của bà N về thời gian quen biết, kết hôn, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không phù hợp dẫn đến ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà N xin ly hôn, ý kiến ông V đồng ý ly hôn do ông cũng không còn tình cảm. Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ông V và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử trễ 03 tháng 21 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy bà N, ông V trên cơ sở, quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn hợp pháp vào 2012.

Đến tháng 6 năm 2018 hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp và đã ly thân từ ngày 20/8/2019 cho đến nay chưa về hàn gắn, chung sống lại, bà N yêu cầu được ly hôn với ông V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung bà N và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Công V sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Tô Bảo A, sinh ngày 30/9/2015 hiện ông V đang nuôi dưỡng, cả bà N và ông V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, xét về điều kiện nuôi con, để đảm bảo điều kiện sinh sống, không làm thay đổi môi trường sống và phù hợp với nguyện vọng của cháu V được sống chung với ông V đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông V được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Về tài sản chung bà N và ông V đều xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 09 tháng 9 năm 2019 bà Tô Nguyễn Ngọc N có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh V và yêu cầu được quyền nuôi con, ông V cư trú tại tổ 02, ấp Vĩnh Cầu, xã V, huyện TT, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà N và ông Vcó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia vào năm 2012 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, bà N và ông V đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà N và ông V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà N yêu cầu ly hôn được ông V tự nguyện đồng thuận ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà N và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Công V sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Tô Bảo A, sinh ngày 30/9/2015, hiện ông V đang nuôi dưỡng, cả bà N và ông V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét về điều kiện nuôi con, căn cứ ý kiến của các đương sự và các biên bản xác minh ngày 17/12/2019 và ngày 11/3/2020 về điều kiện kinh tế thu nhập của bà N và ông V được ghi nhận "Bà N hiện sinh sống cùng cha mẹ ruột và em trai tại xã An Nông, huyện Tịnh Biên, bà N làm thuê gọt xoài tại cửa khẩu Tịnh Biên, thu nhập ăn theo sản phẩm không rõ thu nhập, cha mẹ ruột bà N không có đất canh tác, bà N xác định bà có thu nhập từ việc làm thuê là 9.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc từ 06h sáng đến 12h trưa và buổi chiều từ 13h đến 17h. Tại phiên tòa bà N xác định đã nghỉ việc gọt xoài thuê và chuyển sang làm việc tại tiệm vàng bắt đầu từ đầu tháng 7 năm 2020 đến nay, thu nhập 4.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc từ 07 giờ sáng đến 05 giờ chiều, buổi trưa nghỉ trưa tại nơi làm việc, nhưng ngoài lời trình bày của bà N, bà Nkhông xuất trình được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh công việc hiện tại và thu nhập của bà N. Ông V là chiến sĩ công an xã Vĩnh Gia, có thu nhập ổn định theo thang bảng lương và phụ cấp là 2.235.000 đồng/tháng, thời gian làm việc từ 07h30 đến 11h và từ 13h30 đến 16h30, lịch trực

cách tuần trực 01 lần vào lúc 19h, ông V sinh sống cùng cha mẹ ruột là con trai duy nhất trong gia đình, cha mẹ ông V có diện tích đất nông nghiệp canh tác 10.000 m^2, 02 con chung lại đang sinh sống cùng ông V được cho ăn học ổn định, nuôi dạy, chăm sóc con tốt, điều kiện trường học của 02 cháu Nguyễn Công V và Nguyễn Tô Bảo A lại gần nhà thuận lợi cho việc đưa rước con đến trường, cháu V lại có nguyện vọng được sống chung với ông V". Hội đồng xét xử thấy, về điều kiện kinh tế thu nhập của bà N và ông V, tuy bà N xác định có mức thu nhập cao hơn ông V nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập, ông V cung cấp được bảng lương và phụ cấp, thời gian làm việc của bà N lại không đảm bảo thời gian chăm sóc, đưa rước con đến trường, tuy ông V có lịch trực đêm nhưng không liên tục và đang sinh sống cùng cha mẹ ruột, có điều kiện phụ tiếp kinh tế và chăm sóc các cháu Bảo A và Công V, hai cháu lại đang được đi học ổn định gần nhà. Do đó, xét về điều kiện kinh tế, thu nhập và thời gian dành cho việc chăm sóc, nuôi dạy con chung, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần của các con chung và đảm bảo sự ổn định về điều kiện học tập của các cháu Bảo A và Công V cần tiếp tục cho ông V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục hai con chung là phù hợp. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông V không có yêu cầu, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung bà N và ông V xác định tự thỏa thuận; về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí:

Bà Tô Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tô Nguyễn Ngọc N. Bà Tô Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Minh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63/HT ngày 27/9/2012 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Nguyễn Minh V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Công V sinh ngày 30/10/2012

và Nguyễn Tô Bảo A, sinh ngày 30/9/2015. Bà Tô Nguyễn Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Nguyễn Minh V không có yêu cầu.

Bà Ngà có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Công V và Nguyễn Tô Bảo A được sống chung với ông V, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của ông V.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp bà N lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của bà N.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Tô Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012152 ngày 09-9-2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Tô Nguyễn Ngọc N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng